TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG
CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2017/HSST
Ngày 17/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, CAO BẰNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **La Thị Phấy**.

Hội Thẩm nhân dân:
1. Ông: Lý Đức Thà;
2. Ông: Trần Đức Chiến;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Chu Văn Duy** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, Cao Bằng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Có Chị **Bế Thị Hạnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2017; Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hà Quảng, Cao Bằng; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2017/HSST, ngày 12/7/2017; Đối với Bị Cáo: Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Phạm Văn T, sinh ngày 01/7/1987, tại xã C, huyện D, tỉnh Lào Cai;
Nơi cư trú: Đội A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Lào Cai;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Trình độ văn hóa: 9/12 PT;
Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;
Con Ông: Phạm Văn H, sinh năm 1965;
và con Bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1964;
Cùng trú tại: Đội A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Lào Cai
Vợ, con: Chưa có;
Tiền án, tiền sự: Không;
Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.
- **Người Bị hại:**
Ông **Hoàng Văn C**, sinh năm 1978;
Nghề nghiệp: Làm rẫy;
Bà **Hoàng Thị D**, sinh năm 1977;
Nghề nghiệp: Làm rẫy;
Cùng trú tại: Xóm M, xã N, huyện Q, Cao Bằng;

Có mặt tại phiên tòa

- Người làm chứng:

+ Anh Hoàng Văn K, sinh ngày 23/02/1999;

+ Anh Lý Văn A, sinh ngày 18/8/1999;

Cùng trú tại: Xóm M, Xã N, huyện Q, Cao Bằng.

+ Ông Đồng Văn S, sinh năm 1973;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã C, huyện D, tỉnh Lào Cai;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã H, huyện G, Lạng Sơn.

+ Ông Lương Huy Q, sinh năm 1983;

Trú tại: Xóm I, xã K, huyện L, Cao Bằng.

Đều vắng mặt tại phiên tòa. (Lương Huy Q có đơn xin vắng mặt, những người làm chứng khác vắng mặt không lý do)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T (Phạm Văn T) bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng truy tố hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 29/4/2017 Nguyễn Văn T tên gọi khác Phạm Văn T (trú tại: Thôn B, Xã C, huyện D, Lào Cai) đột nhập vào nhà ông Hoàng Văn C vợ là Hoàng Thị D (trú tại: Xóm M, Xã N, huyện Q, Cao Bằng), T đến chỗ để chiếc hòm tôn vợ chồng ông C, bà D đựng tiền bán hàng đang thực hiện hành vi trộm cắp tiền thì bị gia đình ông C, bà D bắt quả tang và báo công an viên xóm . Nhận được tin báo, Công an huyện Q đã đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật gồm: 01 chiếc hòm tôn không có lẫy khóa, trên nắp hòm ghi chữ " Chiến" bằng sơn xanh, hòm đã qua sử dụng, trong hòm có 355.000đ tiền mặt và 01 lọ nhựa màu trắng không có nắp; Số tiền 1.100.000đ rơi ngoài hòm tôn; 01 đôi dép tổ ong màu trắng đặt cạnh chân tường sau của chuồng lợn đang xây dở giáp tường bên phải nhà ông C (theo hướng quay mặt vào nhà); Thu trên người T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5, màu vàng đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định được: Ngày 17/02/2017 Nguyễn Văn T (tên gọi khác Phạm Văn T) cùng nhiều người khác được Công ty cổ phần đầu tư xây lắp bất động sản Hà Nội cử đến xóm M, xã N, huyện Q, Cao Bằng để lắp đường dây điện trung và hạ thế tuyến Xóm M - Cốc Sa. Tổ đã trọ tại nhà văn hóa xóm M. T được giao thêm việc tạm ứng tiền với Công ty để chi mua thức ăn, chi phí sinh hoạt hàng ngày cho cả tổ, trả tiền thuê nhân công địa phương.... Gia đình ông C có bán thức ăn, hàng tạp hóa tại nhà... cách nhà văn hóa xóm 15 mét, T thường xuyên đến nhà ông C để mua hàng và đến chơi có điều kiện quan sát nhà và nơi cất giữ tiền bán hàng của gia đình. T thấy cửa sau nhà không có then cài, ngoài cửa sau có sàn hành lang, bên phải nhà là chuồng lợn xây dở, tường cao khoảng hơn 01 mét tiện cho việc leo trèo lên sàn sau nhà của gia đình ông C nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Ngoài lần đột nhập nhà ông C

nhằm trộm cắp bị phát hiện bắt quả tang ngày 29/4/2017, trước đó T đã thực hiện hành vi trộm cắp tiền gia đình ông C bà D bốn lần, mỗi lần đều khoảng 1-2 giờ, tại nhà văn hóa xóm mọi người đang ngủ say, T mở cửa đi đến chuồng lợn gia đình ông C đang xây dở, T bỏ đôi dép tổ ong tại nền, trèo lên tường sau chuồng lợn rồi trèo lên sàn hành lang sau nhà đi đến cửa sau, tay đẩy nhẹ cửa đi vào nhà, trong nhà có ánh điện bên ngoài cửa chính nhà ông C hắt qua khe hở tường nhà nên T quan sát được và đi đến gần giường ngủ của vợ chồng ông C, bà D. T đã trộm cắp được số tiền từng lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 23/02/2017 trên bàn gỗ ép cạnh giường có một hòm tôn, cạnh hòm có chiếc túi xách màu đen T biết chiếc túi này bà D hay đeo đựng tiền khi bán hàng, T với tay qua hòm tôn cầm túi mở khóa lấy được xấp tiền trong túi, kéo khóa túi lại đặt vị trí cũ, T quay về theo lối cũ đến phòng trọ, T chùm chăn bật đèn điện thoại đếm số tiền trộm được 27.000.000đ cất tiền vào ba lô rồi đi ngủ. Bị mất tiền gia đình ông C đã báo ngay cơ quan chức năng giải quyết. Ngày 18/3/2017 T rủ Đồng Văn S (người cùng tổ lắp đường điện) đến cửa hàng bán xe máy Hòa An, tại Thị trấn E, huyện L, tỉnh Cao Bằng dùng số tiền trộm được của gia đình ông C mua một xe máy hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh bạc, giá 19.600.000đ. Do không có hộ khẩu tại Cao Bằng nên T nhờ ông Lương Huy Q là quản lý cửa hàng bán xe máy (trú tại Xóm I, xã K, huyện L, Cao Bằng) đứng tên đăng ký xe hộ, xe có biển kiểm soát 11H1- 14928.

Lần 2: Ngày 14/3/2017 T biết chiếc hòm tôn để trên bàn gỗ gần đầu giường ngủ, vợ chồng ông C hay để tiền bán hàng, hòm không khóa T dùng tay mở nắp hòm rồi thò tay vào trong hòm lấy được tiền đậy nắp hòm lại, quay về chỗ trọ, lần này số tiền trộm được 1.200.000đ.

Lần 3: Ngày 11/4/2017 T trộm được số tiền 1.200.000đ trong hòm tôn của gia đình ông C để trên bàn gỗ gần giường ngủ.

Lần 4: Ngày 16/4/2017 T trộm được số tiền 2.500.000đ cũng trong hòm tôn của gia đình ông C để trên bàn gỗ gần giường ngủ.

Như vậy, Nguyễn Văn T đã một mình thực hiện trót lọt bốn lần trộm cắp được số tiền 31.900.000đ tại nhà của ông Hoàng Văn C. Lần thứ 5 bị gia đình ông C phát hiện, bắt quả tang. Số tiền trộm được T mua một xe máy giá 19.600.000đ, số còn lại T đã chi tiêu hết vào mục đích cá nhân.

Tại bản cáo trạng số: 18/KSĐT-TA ngày 11/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng đã truy tố Bị can Nguyễn Văn T, tên gọi khác Phạm Văn T về tội: " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, o, p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt Bị cáo T (tên khác T) từ 09 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Áp dụng điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự nêu quan điểm xử lý vật chứng; Tính án phí theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T nhất trí các lời khai của những người làm chứng mà Tòa vừa công bố và nhất trí nội dung bản cáo trạng, không bổ sung gì. Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhận thấy việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và mong được sự khoan hồng của pháp luật để bản thân có cơ hội phấn đấu tốt.

Bị hại Hoàng Văn C, Hoàng Thị D khai **t**hực tế gia đình bị mất tiền 8 lần, tổng số 39.200.000đ + 250.000đ (5 thẻ cào x 50.000đ) = 39.450.000đ, T đã bồi thường 31.900.000đ, số còn lại 7.550.000đ tại phiên tòa không yêu cầu T bồi thường, vì T không nhận được trộm, Bị hại không đủ căn cứ. Nhất trí các lời khai của những người làm chứng mà Tòa vừa công bố và nhất trí nội dung bản cáo trạng, không bổ sung gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Bị Cáo, người bị hại, lời khai người làm chứng.

XÉT THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T, tên gọi khác Phạm Văn T đã khai nhận: Nội dung bản Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến sự việc Bị cáo trộm cắp tiền của gia đình ông C, bà D. Cụ thể: Từ việc có điều kiện tiếp xúc, quan sát các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của gia đình,T đã nảy sinh ý định và lợi dụng ban đêm lúc mọi người ngủ say, T đã 04 lần một mình lén lút đột nhập vào nhà thực hiện chót lọt việc trộm cắp tiền của gia đình ông C, bà D, tổng số tiền trộm cắp là 31.900.000đ, T đã chi mua xe máy 16.900.000đ, số tiền còn lại T dùng chi tiêu việc cá nhân hết.

Lời khai của Bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của Bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, đủ cơ sở để kết luận Bị cáo T phạm tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố là đúng.

Điều luật quy định: *" 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

2....”

Bị cáo T học đến lớp 9/12 phổ thông thôi học, đến nay đã ở tuổi trưởng thành và tham gia lao động tự do nhiều nơi. Chắc chắn Bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là không thể được, vi phạm đạo đức con người, vi phạm pháp luật, thiệt hại đến kinh tế của người khác, xâm hại quyền sở hữu của chủ sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã cố tình trộm cắp nhiều lần tổng số tiền là 31.900.000đ của gia đình ông C, bà D, mục đích để chi tiêu phục vụ cho bản thân mình. Do đó, Bị cáo phải chịu trách nhiệm

về hành vi của mình trước xã hội và trước pháp luật. Để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cần ra mức hình phạt thỏa đáng phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhận thấy việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, mong được sự khoan hồng của pháp luật, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra T đã tự khai nhận số lần, số tiền trộm cắp trước lần bắt quả tang, số tiền trộm cắp đã trả lại cho người bị hại, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, o, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo T trộm cắp tiền gia đình ông C 04 lần, trong đó có 02 lần số tiền trộm cắp (27.000.000đ và 2.500.000đ) mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trên được làm căn cứ khi xem xét, quyết định hình phạt đối với Bị cáo.

Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng các quy định của pháp luật và đề xuất mức hình phạt đối với Bị cáo T là có căn cứ.

Từ phân tích trên xét thấy không cần cách ly Bị cáo T ra khỏi xã hội mà giao Bị cáo cho chính quyền địa phương nơi Bị cáo cư trú giám sát, giáo dục, tạo điều kiện giúp đỡ Bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

Bị cáo T làm nghề lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, hiện Bị cáo đang tạm giam. Vì vậy không phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với Bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa Bị cáo T và người Bị hại C và D đã nhất trí cho Bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 31.900.000đ. Xác nhận hai bên đã giao nhận đủ số tiền trên trong giai đoạn điều tra và trước khi mở phiên tòa. Ngoài ra Bị hại không yêu cầu gì thêm. Thỏa thuận của hai bên là đúng quy định của pháp luật. Tòa cần chấp nhận.

Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử lý vật chứng như sau:

01 túi xách màu đen có quai đeo, kích thước 12 x 18 cm, đáy túi rộng 12 cm, trên túi có ghi dòng chữ " LOULANSD", đã qua sử dụng; 01 hòm tôn kích thước 48 x 32 cm, cao 19 cm, trên nắp có ghi chữ " Chiến" bằng sơn xanh, đã qua sử dụng. Hòm tôn và túi xách là của gia đình Bị hại C, D. Bị hại không yêu cầu trả túi vì đã rách. Nên cần tịch thu, tiêu hủy 01 túi xách, trả lại cho bị hại 01 hòm Tôn.

01 xe mô tô biển kiểm soát 11H1 - 14928, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh bạc, số khung: C6J0GY234177, số máy: 5C6J234174, xe không có gương chiếu hậu bên phải; 01 giấy đang ký xe mô tô, xe máy số: 010513, ngày 24/3/2017 mang tên Lương Huy Q. Xe được xác định là Bị cáo T dùng tiền trộm cắp của gia đình ông C để mua, nhờ Lương Huy Q (quản lý cửa hàng bán xe) đứng tên đăng ký xe hộ. Do đó xác định chiếc xe máy trên là của Bị cáo Nguyễn

Văn T (Phạm Văn T). Nay Bị cáo đã bồi thường xong khoản tiền trộm cắp cho gia đình Bị hại C, D. Vì vậy chiếc xe máy và đăng ký xe cần trả cho Bị cáo.

01 đôi dép tổ ong màu trắng, dép chân trái nhãn hiệu TRƯỜNG SƠN, kích thước 15 x 9 cm, dép chân phải không rõ nhãn hiệu, kích thước 15 x 9 cm. Là dép của Bị cáo T đi đến và để tại chân tường chuồng lợn gia đình Bị hại C, D rồi trèo lên nhà trộm cắp tiền ngày 29/4/2017 bị bắt quả tang ,thu giữ. Cần tịch thu, tiêu hủy.

Ngoài ra còn những vật, tài sản khác thu giữ không liên quan đến tội phạm. Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Quảng đã trả lại chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T (Phạm Văn T) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. **Tuyên bố**: Bị cáo Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Phạm Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Á**p dụng**: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, h, o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T, tên gọi khác Phạm Văn T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án (17/8/2017). Giao Bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Lào Cai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Bị cáo Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Phạm Văn T đang bị tạm giam, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. **Về vật chứng vụ án**:

Áp dụng điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử lý vật chứng như sau:

Trả lại cho Bị hại Hoàng Văn C, Hoàng Thị D: 01 hòm tôn kích thước 48 x 32 cm, cao 19 cm, trên nắp có ghi chữ " Chiến" bằng sơn xanh, đã qua sử dụng.

Trả cho Bị cáo Nguyễn Văn T (Phạm Văn T) 01 xe mô tô biển kiểm soát 11H1-14928, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh bạc, số khung: C6J0GY234177, số máy: 5C6J234174, xe không có gương chiếu hậu bên phải; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 010513, ngày 24/3/2017 mang tên Lương Huy Q.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 túi xách màu đen có quai đeo, kích thước 12 x 18 cm, đáy túi rộng 12 cm, trên túi có ghi dòng chữ " LOULANSD", đã qua sử dụng; 01 đôi dép tổ ong màu trắng, dép chân trái nhãn hiệu TRƯỜNG SƠN, kích thước 15 x 9 cm, dép chân phải không rõ nhãn hiệu, kích thước 15 x 9 cm.

3. **Về án phí**: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 6, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Bị cáo Nguyễn Văn T (Phạm Văn T) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Công an huyện 02 bản;
- Sở Tư pháp;
- THA dân sự huyện;
- UBND xã Văn Sơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toa phiên tòa

La Thị Phấy